

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-PT

Ngày 04/01/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Luyện

Ông Võ Văn Lập.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 49/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Nguyễn D, sinh năm 1925 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, phường V, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận.

2/. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận.

3/. Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1987 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 6/12 đường Trần Phú, phường S, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận.

4/. Ông Nguyễn Thành T2, sinh năm 1979 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện N2, tỉnh Ninh Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thành N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ngày 16/7/2012 Âm lịch tức là ngày 01/9/2012 Dương lịch, vợ chồng ông Nguyễn Thành N bà Nguyễn Thị N3 có vay của bà 111.000.000 đồng. Khi vay, bà N3 có viết và ký tên vào Giấy vay mượn tiền, còn ông N có ký tên hay không bà không xác định được. Bà không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của ông N tại giấy vay mượn tiền này. Việc bà N3 vay mượn tiền của bà, ông N biết vì ông N chứng kiến việc giao nhận tiền vay giữa bà và bà N3.

Ngày 20/8/2012 Âm lịch tức là ngày 05/10/2012 Dương lịch, vợ chồng ông N bà N3 vay thêm của bà 5.000.000 đồng. Khi vay không làm giấy tờ, nhưng bà viết số tiền vay 5.000.000 đồng này vào bên dưới của Giấy mượn tiền ngày 16/7/2012 Âm lịch.

Ngày 16/8/2012 Âm lịch, bà N3 đã trả cho bà 3.300.000 đồng tiền lãi.

Tháng 10/2012 Âm lịch, bà N3 trả cho bà 05 bao kali trị giá 4.000.000 đồng được trừ vào 5.000.000 đồng tiền vay ngày 20/8/2012 Âm lịch.

Khi bà N3 còn sống, bà đến nhà vợ chồng ông N bà N3 yêu cầu trả nợ, ông N hứa khi nào bán được tài sản sẽ trả nợ cho bà.

Năm 2013, bà N3 chết, ông N vẫn không chịu trả nợ cho bà, nên bà đã làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Ngày 15/10/2015, Ban quản lý thôn P, xã M lập biên bản hòa giải, ông N không xác nhận nợ nhưng ông N hứa khi nào có tiền sẽ trả nợ cho bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành N phải trả cho bà 111.000.000 đồng vốn vay. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị N3. Bà N3 chết năm 2013, không để lại di chúc. Việc bà N3 vay tiền của bà C như thế nào, ông không biết, cũng không nghe bà N3 nói lại. Ông xác nhận chữ viết tại Giấy vay mượn tiền ngày 16/7/2012 Âm lịch là chữ viết của bà N3, còn chữ ký N không phải là chữ ký của ông.

Ông và bà N3 có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Thu T1. Cha bà N3 tên Nguyễn D. Mẹ bà N3 đã chết từ lâu.

Ông và bà N3 tạo lập được tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 tại thôn P, xã M, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận, ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Sau khi bà N3 chết, ông đã bán căn nhà và đất nói trên với giá 500.000.000 đồng cho bà Trần Thị P1 để trả nợ cho Ngân hàng B - chi nhánh tỉnh Ninh Thuận.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

- Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn D, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Thu T1 trình bày:

Các ông bà xác nhận nội dung trình bày của ông Nguyễn Thành N về họ tên cha bà N3, con chung của vợ chồng ông N bà N3, tài sản chung do của vợ chồng ông N bà N3 là đúng sự thật.

Việc bà N3 vay tiền của bà Nguyễn Thị C như thế nào, các ông bà không biết, cũng không nghe bà N3 nói lại.

Sau khi bà N3 chết, ông N đã bán căn nhà cấp 4 và đất gắn liền ở thôn P, xã M, huyện N1. Toàn bộ số tiền bán nhà và đất gắn liền ông N đang quản lý và trả nợ cho Ngân hàng B - Chi nhánh Ninh Thuận là nợ chung của vợ chồng ông N bà N3. Hiện vợ chồng ông N bà N3 không còn tài sản nào khác.

Các ông bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T2 vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông T2 theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông T2 không đến Tòa án, cũng không gửi bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn đã quyết định:

- Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại của bà Nguyễn Thị C.

Buộc ông Nguyễn Thành N phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi tài sản do bà Nguyễn Thị N3 để lại trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 103.700.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền thỏa thuận thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng của các đương sự.

- Ngày 06/9/2017, Bị đơn ông Nguyễn Thành N làm đơn kháng cáo và nộp đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn cho Tòa án ngày 07/9/2017. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện

N1. Vì việc bà N3 vay mượn tiền của bà C, ông N không biết và cũng không nghe bà N3 nói lại, nên ông N không đồng ý trả nợ cho bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử vụ án thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định về: Thụ lý xét xử phúc thẩm Điều 285 BLTTDS năm 2015; Chuẩn bị xét xử phúc thẩm Điều 286 BLTTDS năm 2015; Triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm Điều 294 BLTTDS năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của Bị đơn ông Nguyễn Thành N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn D, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Thành T2, bà Nguyễn Thị Thu T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông D, bà T, ông T2, bà T1.

- **Về nội dung:** Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C không rút đơn khởi kiện; Bị đơn ông Nguyễn Thành N không thay đổi, bổ sung, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005 là đúng pháp luật.

- Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn ông Nguyễn Thành N có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, vì việc bà Nguyễn Thị N3 vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị C, ông N không biết, cũng không nghe bà N3 nói lại, nên ông N không đồng ý trả nợ cho bà C. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại Giấy mượn tiền viết tay ngày 16/7/2012 Âm lịch (BL 01) có nội dung: “Hôm nay ngày 16/7/2012 Âm lịch vợ chồng Tư N có mượn C số tiền là Một trăm mười một triệu đồng chẵn (N3) (111.000.000 đ). 20/8 Âm lịch mượn sau 5 triệu. Tổng cộng: 116.000.000 đ.”

Tại Biên bản hòa giải ngày 15/10/2015 của Ban quản lý thôn P, xã M (BL 52) có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M thể hiện: “Ông N không xác định được tiền vợ ông đã mượn của bà C, nhưng ông hứa là chừng nào ông có tiền ông sẽ trả tiền lãi và gốc cho bà C”.

Tại các Biên bản xác minh ngày 25/5/2017 (BL 53, 54, 55, 56), ông Lê Thành Trung - Phó thôn P; ông Nguyễn Văn N4 - Trưởng thôn P; ông Nguyễn Xuân H1 - Bí thư thôn P là những người có mặt tham gia phiên hòa giải ngày 15/10/2015 tại Ban quản lý thôn P xác nhận: Tại Phiên hòa giải ngày 15/10/2015 của Ban quản lý thôn P, ông N có ý kiến ông không xác nhận số tiền mà bà N3 (vợ ông N) mượn của bà C nhưng ông N có hứa khi nào có tiền sẽ trả cho bà C số tiền lãi và gốc và ông không đồng ý ký vào biên bản.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2017 (BL 32), Biên bản hòa giải ngày 18/01/2017 (BL 33), Biên bản hòa giải ngày 23/6/2017 (BL 65, 66), Nguyên đơn bà C khai: Giấy mượn tiền viết tay ngày 16/7/2012 Âm lịch do bà N3 viết và giao cho bà sau khi nhận tiền, nên bà không biết ông N có ký tên vào hay không, vì vợ chồng ông N nói sẽ ký rồi mang đến cho bà. Ngày 20/8/2012 Âm lịch, bà N3 mượn thêm của bà 5.000.000 đồng, nên bà tự ghi thêm vào Giấy mượn tiền viết tay ngày 16/7/2012 Âm lịch là “20/8 Âm lịch mượn sau 5 triệu => Tổng cộng: 116.000.000đ”. Ngày 16/8/2012 Âm lịch bà N3 trả lãi cho bà 3.300.000 đồng. Tháng 10 Âm lịch, bà N3 trả cho bà 05 bao kali (trị giá 4.000.000 đồng) và nói để trả gốc 5.000.000 đồng đã mượn lần sau.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2017 (BL 34), Bị đơn ông N khai: Ông xác nhận chữ viết trong Giấy mượn tiền ngày 16/7/2012 Âm lịch là chữ viết của bà N3 vợ ông, nhưng việc vay mượn giữa vợ ông và bà C như thế nào ông không biết. Ông không ký vào Giấy mượn tiền ngày 16/7/2012 Âm lịch.

Tại Trích lục khai tử ngày 24/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã M (BL 48) thể hiện: Bà N3 chết ngày 30/12/2013.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2017 (BL 37), Biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2017 (BL 38), Biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2017 (BL 40), những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N3 là các ông, bà: Nguyễn D, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Thu T1 xác nhận vợ chồng ông N bà N3 chỉ tạo lập được duy nhất 01 căn nhà gắn liền đất tại thôn P, xã M, huyện N1. Sau khi bà N3 chết, ông N đã bán nhà đất để trả nợ Ngân hàng. Số tiền bán nhà và đất này ông N chưa chia. Việc bà N3 mượn tiền của bà C, các ông bà không biết nên không có ý kiến. Do bận công việc nên các ông bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn bà C và Bị đơn ông N đều xác nhận dòng chữ viết “Hôm nay ngày 16/7/2012 Âm lịch vợ chồng Tư N có mượn C số tiền là Một trăm mười một triệu đồng chẵn (N3) (111.000.000đ)” tại Giấy mượn tiền ngày 16/7/2012 Âm lịch là của bà N3, nhưng Nguyên đơn bà C và Bị đơn ông N đều không yêu cầu giám định chữ ký N trong Giấy mượn tiền ngày 16/7/2012.

Xét thấy: Bị đơn ông N không xác nhận số tiền bà N3 vay của bà C là nợ chung của vợ chồng ông N bà N3. Nguyên đơn bà C không chứng minh được số tiền bà N3 vay của bà C là nợ chung của vợ chồng ông N bà N3. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định 111.000.000 đồng bà N3 vay của bà C là nợ riêng của bà N3 là có cơ sở.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2017 (BL 36), Biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2017 (BL 49), ông N khai: Quá trình sống chung, ông và bà N3 chỉ tạo lập tài sản duy nhất là 01 căn nhà cấp 4 gắn liền đất tại thôn P, xã M. Sau khi bà N3 chết, ông đã bán căn nhà và đất này cho bà Phú Quỳnh giá khoảng 500.000.000 đồng (không nhớ rõ họ tên, chỉ biết người mua là chủ Cây xăng Phú Quỳnh) và đã trả trừ nợ hết cho Ngân hàng B - Chi nhánh Ninh Thuận do con rể là ông Trần Đình N5 là chồng của bà T đứng tên vay hộ. Ông không nhớ rõ số tiền vay.

Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 09/6/2017 (BL 59), ông Trần Đình N5 là con rể của ông N khai: Vợ chồng ông có đứng tên vay dùm ông N bà N3 500.000.000 đồng tại Ngân hàng B - Chi nhánh Ninh Thuận. Cuối năm 2016, ông N bán nhà và đất cho Chủ Cây xăng Phú Quỳnh khoảng 500.000.000 đồng và dùng số tiền này để trả hết nợ Ngân hàng.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/6/2017 (BL 57) do Tòa án nhân dân huyện N1 xác minh tại Ngân hàng B - Chi nhánh Ninh Thuận thể hiện: Không có hộ ông Nguyễn Thành N bà Nguyễn Thị N3 vay tại Ngân hàng. Tại Văn bản số 1424/CV-BIDV-NT ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Ngân hàng B – Chi nhánh Ninh Thuận thể hiện: Tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 516628 do Ủy ban nhân dân huyện N1 cấp ngày 28/02/2006 cấp cho người sử dụng đất là Nguyễn Thành Nghĩa và Nguyễn Thị Nguyễn là một trong 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay 520.000.000 đồng của Doanh nghiệp tư nhân K vay vào mục đích thực hiện phương án sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, đã trả hết nợ tất toán khoản vay vào ngày 04/01/2016.

Với các tài liệu chứng cứ nói trên, đủ cơ sở xác định: Vợ chồng ông N bà N3 không nợ Ngân hàng B - Chi nhánh Ninh Thuận như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là có cơ sở.

Tại Biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 12/6/2017 (BL 60), bà Trần Thị P1 - sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn S, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận trình bày: Bà xác nhận có nhận chuyển nhượng một căn nhà gắn liền đất của vợ chồng ông N bà N3 (đã chết) ở xã M, huyện N1 với giá 780.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, những người thừa kế của bà N3 đã đồng ý ký vào hợp đồng để ông N có toàn quyền chuyển nhượng nhà ở gắn liền đất này. Bà đã làm thất lạc hồ sơ chuyển nhượng nhà đất.

Xét thấy: Bà N3 chết, không để lại di chúc. Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà N3 là ông D (cha của bà N3), ông N (chồng của bà N3), bà T, ông T2, bà T1 (các con đẻ của bà N3) đều xác nhận: Sau khi bà N3 chết, ông N đã chuyển nhượng căn nhà gắn liền đất cho bà Trần Thị P1. Số tiền chuyển nhượng ông N đang quản lý. Căn cứ Điều 634, Điều 638, Điều 683 Bộ luật dân sự năm 2005, quy định về di sản thừa kế, người quản lý di sản, thứ tự ưu tiên thanh toán di sản. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà C; buộc ông N là người đang quản lý di sản của bà N3 trị giá 390.000.000 đồng (1/2 của số tiền bán nhà và đất là di sản của bà N3) và buộc ông N phải có trách trả nợ riêng của bà N3,

cụ thể là trả nợ cho bà C 103.700.000 đồng, sau khi đã trừ đi 3.300.000 đồng và bà 05 bao kali (trị giá 4.000.000 đồng) bà N3 đã trả cho bà C là có cơ sở và đúng pháp luật.

Từ những phân tích đánh giá chứng cứ nói trên; Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của Bị đơn ông Nguyễn Thành N; Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của Bị đơn ông Nguyễn Thành N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- **Áp dụng:** Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều 615, Điều 634, Điều 638, Điều 683 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 148, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại của bà Nguyễn Thị Cam.

Buộc ông Nguyễn Thành N phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi tài sản do bà N3 để lại trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 103.700.000 đồng (bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Thành N phải chịu 5.185.000 đồng dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu 365.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 2.900.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0012329 ngày 03/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C 2.535.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành N phải chịu 300.000

đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0013275 ngày 08/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Phòng KTNV& THA;
- Phòng HC-TP;
- Lưu (HS-AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Lập

Nguyễn Thị Luyến

Trần Thị Bích Hồng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND huyện N1;
- Chi cục THADS huyện N1;
- Phòng KTNV& THA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng HC-TP;
- Lưu (HS-AV).

Trần Thị Bích Hồng

